

Bản án số: 79/2020/HS-ST
Ngày 18 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Cư

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Trương Ngọc T (tên gọi khác: Nổi Anh); sinh năm: 1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: 41/1A LVC, Phường ML, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;住所: 166/8A LHP, Phường ML, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Bình Q (chết) và bà Lê Thị Thanh C; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2/ Trần Văn L; sinh năm: 1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: 166/1/20 LHP, Phường ML, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;住所: 166/8A LHP, Phường ML, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Trần Lệ T1. Chung sống không đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị Đỗ U, có 02 con lớn sinh năm 2014 nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 23/9/2019, Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thời hạn 03 tháng, đến ngày 26/12/2019 chấp hành xong.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Anh Huỳnh Hữu B, sinh năm: 2001; Nơi cư trú: 103K3/9 BĐ, Phường MB, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 45 phút, ngày 17/10/2019, anh Huỳnh Hữu B điều khiển xe mô tô biển số 59L1-041.81 đến nhà bạn Lê Ngọc Anh T chơi và dựng xe trên trước nhà số 166/24 LVC, Phường 15, Quận 8 rồi vào nhà nói chuyện. Lúc này Trương Ngọc T và Trần Văn L đi ngang qua phát hiện xe không người trông coi. T rủ thì L đồng ý trộm cắp chiếc xe của anh B. Thực hiện ý định, L đứng ngoài cánh giới, T vào trong lấy chìa khóa nhà có sẵn trong túi, lén lút mở được khóa, dẫn xe ra ngoài nổ máy chờ L tẩu thoát, đến gần nhà Tiêu Tuyết L1 thì L xuống xe; còn T mang xe vào nhờ chị L1 cầm xe giúp, nhưng chị L1 không đồng ý thì T nói “Tôi để xe, nhờ chị cầm giữ” sau đó T bỏ đi ra cùng L đến tiệm bán cá số 321 Trần Hưng Đạo, Phường 10, Quận 5 chơi.

Bị mất tài sản, anh B đến Công an Phường 15, Quận 8 trình báo và giao nộp 01 USB ghi hình ảnh T, L trộm cắp xe của anh B. Công an Phường 15 ghi nhận sự việc và truy tìm đối tượng.

Khoảng 14 giờ, ngày 17/10/2019, không thấy T quay lại lấy xe, chị L1 mang xe trên đến tiệm bán cá trả cho T thì T nhờ chị L1 mang xe đến gửi tại bãi giữ xe dưới gầm cầu Chà Và. Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 17/10/2019, T đến nhà của anh Thái Gia H1 (cháu T) mượn xe mô tô (không xác định biển số) của H1 để sang nhà chị Lộc lấy thẻ gửi xe. Sau đó, T vòng xe lại nhà H1 chờ H1 đến bãi giữ xe dưới gầm cầu Chà Và đồng thời nói và đưa thẻ gửi xe cho Huy vào trong bãi giữ xe lấy xe biển số 59L1-041.81 ra ngoài. Sau khi anh H1 lấy xe ra ngoài, T tiếp tục nói H1 mang xe biển số 59L1-041.81 đến nhà anh Lê Ngọc T1 (cha của Lê Ngọc Anh T) số 166/24 LHP, Phường ML, Quận 8 trả và lấy 1.500.000 đồng. H1 đồng ý điều khiển xe biển số 59L1-041.81 đến nhà anh T1 nhưng anh T1 không có nhà, cùng lúc Công an Phường 15, Quận 8 đi tuần nghi vấn nên yêu cầu anh H1 đưa xe biển số 59L1-041.81 về trụ sở Công an phường làm việc. Tại Công an Phường 15, Quận 8, anh H1 khai chiếc xe trên là do T nhờ đi cầm hộ.

Ngày 18/10/2019, Trương Ngọc T ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội trên. Theo Kết luận định giá ngày 19/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận giá trị của chiếc xe mô tô biển số 59L1-041.81 là 7.500.000 đồng.

Qua truy xét, Công an Quận 8 đưa Trần Văn L về trụ sở làm việc, làm rõ hành vi. Quá trình điều tra, Trương Ngọc T và Trần Văn L khai nhận hành vi phạm tội trên, lời khai của bị can phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 59L1-041.81, xác minh do bà Nguyễn Thị B1 đứng tên trong giấy đăng ký xe (bà B1 mẹ anh B). Ngày 17/10/2019 bà B1 giao xe cho anh B sử dụng và bị T, L chiếm đoạt. Công an Quận 8 đã lập biên bản trả cho bị hại.

- 01 USB ghi hình T, L trộm cắp xe mô tô của anh B; 02 chìa khóa các loại. Hiện Công an Quận 8 đang tạm giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã ra quyết định xử lý vật chứng B hình thức trao trả lại 01 xe mô tô biển số 59L1-041.81 cho bị hại. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 94/ CT-VKS ngày 18/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Trương Ngọc T và Trần Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trương Ngọc T và Trần Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; bị cáo T thêm tình tiết ra đầu thú theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo Trương Ngọc T và Trần Văn L mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về vật chứng thu giữ, đề nghị tuyên xử lý theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 11 giờ 45 phút, ngày 17/10/2019, tại trước nhà số 166/24 LVC, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trương Ngọc T và bị cáo Trần Văn L có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 59L1-041.81 có giá trị 7.500.000 đồng của anh Huỳnh Hữu B.

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Trương Ngọc T và Trần Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định B hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có đồng phạm nhưng mang tính nhất thời, giản đơn. Bị cáo T là người rủ rê và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản; bị cáo L là người cảnh giới, giúp sức. Về nhân thân, bị cáo L từng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò từng bị cáo.

[7] Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả bị hại thuộc trường hợp “*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Sau khi phạm tội, bị cáo T đã ra đầu thú nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[8] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng vụ án: quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng B hình thức trao trả 01 xe mô tô biển số 59L1-041.81 cho bị hại, đồng thời bị hại không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến việc tạm giữ, xử lý vật chứng nên không đề cập giải quyết.

- 01 USB chứa hình ảnh các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do bị hại giao nộp, bị hại không có yêu cầu nhận lại, đồng thời các hình ảnh lưu trữ trong thẻ nhớ đã được chuyển hóa thành chứng cứ và được bị cáo thừa nhận, thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

- 02 chìa khóa các loại thu giữ của bị cáo T là công cụ dùng để lấy trộm xe gắn máy không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với chị Tiêu Tuyết L1, anh Thái Gia H1 không biết tài sản xe biển số 59L1-041.81 do T mang đến nhờ cầm hộ là tài sản do T, L phạm tội mà có, Công an Quận 8 không xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc T 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) USB hiệu Kingston màu xanh 2GB; 01 (một) chìa khóa B kim loại màu trắng - vàng bị cong, vênh, trên chìa khóa có chữ “A”; 01 (một) chìa khóa B kim loại có tay nhựa màu đen, trên tay nắm có chữ “HONDA”, trên phần kim loại có chữ “P972”.

(Tất cả theo Phiếu nhập kho vật chứng số 98/PNK ngày 14/5/2020).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Trương Ngọc T và Trần Văn L nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc